

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia nợ chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Pháy và ông Lý Seo Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Lù Văn Q

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trí Dũng - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bảo Thắng.

Người được uỷ quyền lại: Bà Đỗ Thị Hương – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bảo Thắng

2. Ngân hàng N Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình Long - Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bảo Thắng Lào Cai. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 02/5/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:

Chị và anh Lù Văn Q tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 8/2005 không có đăng ký kết hôn, đến ngày 06/02/2015 anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong thời gian chung sống, cuộc sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác và vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã nhau. Chị đã báo chính quyền đến can thiệp nhưng anh Q không thay đổi, mâu thuẫn trở nên trầm trọng và anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022. Đến nay chị H không còn tình cảm với anh Q nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lù Văn Q.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có ba con chung là cháu Lù Thị T sinh ngày 27/8/2006, cháu Lù Thị O sinh ngày 17/01/2009 và cháu Lù Mạnh C sinh ngày 24/01/2015. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu O, để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung, chị và anh Q có một số tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị và anh Q còn nợ Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện Bảo Thắng Lào Cai số tiền 185.000.000đ và nợ Ngân hàng C Việt Nam phòng giao dịch Bảo Thắng số tiền 50.000.000đ. Khi ly hôn đối với các khoản vay trên chị H để anh Q có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng.

Đối với bị đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2024 anh Lù Văn Q trình bày:

Anh công nhận đã chung sống với chị Lý Thị H từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn với chị H ngày 06/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q. Quá trình chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau và từ năm 2021 anh chị đã ly thân không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, nay chị H xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn. Về con chung, hiện anh chị có 3 con chung như lời trình bày của chị H là đúng, các cháu có nguyện muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí. Nếu các cháu ở với anh thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nếu các cháu ở với chị H thì chị H tự lo.

Về nợ chung, anh Q cho rằng nợ của Ngân hàng C anh không ký vay nên anh không nhất trí trả. Đối với nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, anh Q yêu cầu chia đôi và yêu cầu chị H phải trả tiền ngay để anh lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Việt Nam, tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 26/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:

Chị Lý Thị H đại diện hộ gia đình đã ký hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-202000435 ngày 25/02/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 22/4/2020 với Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện Bảo Thắng Lào Cai để vay vốn mục đích chi phí sản xuất kinh doanh hộ gia đình. Chị H nhận nợ 05 lần, thời hạn trả nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm gồm:

Giấy nhận nợ số 8807-LDS-2020000931 ngày 03/3/2020 số tiền 50.000.000đ, lãi suất vay 12,5%/năm, hạn trả nợ 03/3/2022. Hiện còn nợ lại tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi từ ngày 31/12/2021 đến nay.

Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202001795 ngày 22/4/2020 số tiền 100.000.000đ, lãi suất vay 10,5%/năm, hạn trả nợ 22/4/2022. Hiện còn nợ lại tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi từ ngày 31/01/2021 đến nay.

Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202100962 ngày 25/02/2021 số tiền 50.000.000đ, lãi suất vay 12,5%/năm, hạn trả nợ 25/02/2023. Hiện còn nợ lại tiền gốc 35.000.000đ và tiền lãi từ ngày 24/02/2022 đến nay

Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202101238 ngày 12/3/2021 số tiền 20.000.000đ, lãi suất vay 12,5%/năm, hạn trả nợ 12/3/2024. Hiện còn nợ lại tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi từ ngày 28/12/2021 đến nay

Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202102423 ngày 07/5/2021 số tiền 50.000.000đ, lãi suất vay 10,5%/năm, hạn trả nợ 07/5/2024. Hiện còn nợ lại tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi từ ngày 28/11/2021 đến nay.

Hộ gia đình chị H đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên toàn bộ các dư nợ chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng đã thông báo, làm việc với gia đình chị H anh Q nhưng anh chị không hợp tác trả nợ. Đến ngày 26/6/2024 chị H anh Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 260.233.305đ trong đó tổng nợ gốc quá hạn là 185.000.000đ, nợ lãi trong hạn 19.605.752đ, nợ lãi quá hạn 48.403.583đ, lãi chậm trả 7.196.970đ. Hiện ngân hàng giữ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị gồm các giấy chứng nhận số phát hành CĐ 915270, số CĐ 915271 và CĐ 915269 đều cấp ngày 21/9/2016 đứng tên ông Lù Văn Q bà Lý Thị H.

Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết buộc chị H và anh Q phải liên đới hoàn trả số tiền vay còn nợ, số tiền tính đến ngày xét xử tổng cộng là 267.621.448đ. Trường hợp chị H anh Q không trả được nợ, đề nghị buộc chị H anh Q phải bán tài sản là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản hoa màu trên đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C Việt Nam, tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 27/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/02/2020 của hộ bà Lý Thị H đã được tổ vay vốn thôn Làng Lân bình xét và

UBND xã Q xác nhận hộ đủ điều kiện và thuộc đối tượng vay vốn, ngày 13/02/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bảo Thắng phê duyệt số tiền được vay và ngày 17/02/2020 thực hiện giải ngân cho hộ bà Lý Thị H số tiền 50.000.000đ theo chương trình tín dụng cho vay “Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn”, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/02/2025, mục đích vay: Chăm sóc rừng quế và mua lợn nái. Quá trình sử dụng vốn vay anh chị đã sử dụng vốn không đúng mục đích, bán rừng quế và không mua lợn nái. Nay chị H anh Q ly hôn tại Tòa án, để đảm bảo quyền lợi Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết chia công nợ chung của bà Hoa và ông Quý, buộc ông bà phải có trách nhiệm trả số tiền vay cho Ngân hàng là 50.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử chưa thanh toán là 221.917đ, tổng cả gốc và lãi: 50.221.917đ.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Ngày 27/6/2024 Tòa án đã hỏi ý kiến của ba cháu Lù Thị Thơm, Lù Thị Oanh và Lù Mạnh Cường, trong đó cháu Thơm có nguyện vọng muốn ở với bố, cháu Oanh và cháu Cường có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Vụ án này Tòa án không hoà giải được do anh Q không có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoa giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, về con chung chị đề nghị giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu Oanh và cháu Cường, đối với cháu Thơm đến ngày xét xử đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu Oanh và Cường, mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng. Về nợ chung tại ngân hàng, chị nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi nợ chung. Đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83; Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 288, 357, 468 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Lý Thị H ly hôn anh Lù Văn Q. Về con chung, xử giao cháu Lù Thị O và Lù Mạnh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng N Việt Nam và Ngân hàng C Việt Nam buộc chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ. Cụ thể:

+ Đối với chị Lý Thị H: Buộc chị Lý Thị H phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 133.810.724 tiền gốc và lãi phát sinh theo HĐTD số 8807-LAV-202000435 ngày 25/02/2020 và HĐ sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/HĐTD ngày 22/4/2020

của Ngân hàng N Việt Nam. Buộc chị Lý Thị H phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 25.110.958đ tiền gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/02/2020 của Ngân hàng C Việt Nam

+ Đối với anh Lù Văn Q: Buộc anh Lù Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 133.810.724 tiền gốc và lãi phát sinh theo HĐTD số 8807-LAV-202000435 ngày 25/02/2020 và HĐ sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/HĐTD ngày 22/4/2020 của Ngân hàng N Việt Nam. Buộc anh Lù Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 25.110.958đ tiền gốc và lãi phát sinh theo theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/02/2020 của Ngân hàng C Việt Nam.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lý Thị H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lù Văn Q, quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị buộc chị H và anh Q phải thanh toán nợ. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng và Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung khi ly hôn”. Anh Q vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn từ đầu năm 2017 do anh Q có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, chị đã cung cấp được xác nhận của địa phương về việc mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Theo lời khai của anh Q thì anh chị có mâu thuẫn do không hợp nhau, hiện tại cả hai anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy có thể nhận thấy tình trạng mâu thuẫn của chị H và anh Q đã trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Chị H và anh Q có ba con chung là cháu Lù Thị T sinh ngày 27/8/2006, cháu Lù Thị O sinh ngày 17/01/2009 và cháu Lù Mạnh C sinh ngày 24/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng muốn ở với bố tuy nhiên tại thời điểm xét xử cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu O và C đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, chị H đã cung cấp được chứng cứ về công việc và thu nhập của bản thân nên chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh Q cũng

đề nghị Toà án giải quyết người nuôi con theo nguyện vọng của các cháu. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được trực tiếp nuôi cả hai cháu Lù Thị O và Lù Mạnh C. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tại phiên toà hôm nay chị H đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu. Xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp, bản thân anh Q là lao động tự do cũng có thu nhập nên để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì Hội đồng xét xử buộc anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu O và C mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng N Việt Nam:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ thì trong khoảng thời gian tháng tháng 02/2020 đến tháng 5/2021 chị H và anh Q đã 05 lần ký giấy nhận nợ vay Ngân hàng N Việt Nam, hiện còn nợ lại tổng số tiền của 5 giấy nhận nợ là 185.000.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử tổng cộng là 267.621.448đ. Xét thấy đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh Q, căn cứ Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình anh chị phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng. Đến nay các khoản vay đều đã hết thời hạn trả nợ và đã chuyển nợ quá hạn, theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, xử buộc chị H và anh Q phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp tổng số tiền còn nợ đến ngày xét xử là 267.621.448đ, quy phân cụ thể mỗi người phải trả 133.810.724đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, chị H và anh Q còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định của từng giấy nhận nợ.

Ngoài ra, tại đơn yêu cầu độc lập Ngân hàng còn có yêu cầu trong trường hợp chị H anh Q không trả được nợ, đề nghị buộc chị H anh Q phải bán tài sản là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản hoa màu trên đất để trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy khoản vay tín dụng trên là vay không có tài sản bảo đảm nên đối với yêu cầu này Ngân hàng có quyền thực hiện thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[6]. Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng C Việt Nam.

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 13/02/2020 và Sổ vay vốn đã ký, nhận thấy trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh Q vay Ngân hàng C Việt Nam số tiền 50.000.000đ theo chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Mục đích vay để chăm sóc rừng quế và mua lợn nái với thời hạn vay 60 tháng. Thời điểm hiện tại chưa hết hạn trả nợ tuy nhiên quá trình kiểm tra sử dụng vốn vay nhận thấy anh chị đã sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm thoả thuận với Ngân hàng do đó Ngân hàng C Việt Nam yêu cầu thu hồi nợ trước hạn là đúng quy định.

Theo lời khai của anh Q cho rằng anh không được ký vay nên không đồng ý trả nợ, tuy nhiên xét thấy anh đã ký giấy uỷ quyền ngày 06/02/2020 uỷ quyền cho chị Lý Thị H đại diện thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao

dịch với Ngân hàng theo quy định, giấy uỷ quyền đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q. Do đó xác định đây vẫn là nợ chung của anh chị và anh Q phải có trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách, buộc chị H và anh Q phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách số tiền đến ngày xét xử là: 50.221.917đ, quy phần cụ thể mỗi người phải trả: 25.110.958đ.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, anh Lù Văn Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng. Chị H và anh Q mỗi người phải chịu 7.946.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83; Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 288, 357, 468 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Lý Thị H ly hôn anh Lù Văn Q.

Quan hệ hôn nhân của chị H và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cháu Lù Thị O sinh ngày 17/01/2009 và cháu Lù Mạnh C sinh ngày 24/01/2015 cho chị Lý Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lù Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu Lù Thị O và Lù Mạnh C, mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng.

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lý Thị H có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong, anh Lù Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N Việt Nam

Buộc chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q phải liên đới trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền còn nợ cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-202000435 ngày 25/02/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 22/4/2020 và từng giấy nhận nợ tính đến ngày xét xử cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202000931 ngày 03/3/2020 là 46.502.690đ.
- Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202001795 ngày 22/4/2020 là 72.015.357đ.
- Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202100962 ngày 25/02/2021 là 49.574.647đ.
- Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202101238 ngày 12/3/2021 là 29.635.693đ.
- Giấy nhận nợ số 8807-LDS-202102423 ngày 07/5/2021 là 69.893.061đ.

Tổng số tiền phải trả là: 267.621.448đ. Quy phân cụ thể chị H và anh Q mỗi người phải trả tổng cộng: 133.810.724đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng và từng giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chnh sách xã hội Việt Nam

Buộc chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q phải liên đới trả cho Ngân hàng C Việt Nam số tiền vay còn nợ là 50.221.917đ. Quy phân cụ thể chị H và anh Q mỗi người phải trả: 25.110.958đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của chương trình cho vay mà anh chị đã vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp tại chương trình cho vay các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà chị Lý Thị H và anh Lù Văn Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C Việt Nam cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất.

5/ Về án phí:

Chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 7.946.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 8.246.000đ. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000882 ngày 13/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai, chị còn phải nộp 7.946.000đ.

Anh Lù Văn Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng và 7.946.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 8.246.000đ.

Ngân hàng N Việt Nam được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.505.300đ theo biên lai số 0000942 ngày 03/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngân hàng C Việt Nam không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã Q;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Dương sự (4);
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

